

Bản án số: 105/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2024

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Thường

Ông Trần Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1985;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: xóm F, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số nhà A, đường Ú, khu V, huyện N, mã bưu điện B1, H1; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị S, **sinh năm 1990;**

Địa chỉ cư trú: xóm F, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Trung H2, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ cư trú: xóm F, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin xét xử vắng mặt (có chứng nhận của Đ tại Hungary), nguyên đơn anh Nguyễn Đức H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị S đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 14 tháng 02 năm 2008, tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Ban đầu khi mới lấy nhau dù kinh tế khó khăn nhưng vợ chồng chung sống hạnh phúc. Để cải thiện kinh tế gia đình, đến tháng 8/2019, anh đi xuất khẩu lao động tại Hungary. Sau đó, do cuộc sống vợ chồng xa nhau nên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đối xử thiếu tôn trọng nhau và tình cảm không thể hàn gắn. Do cuộc sống vợ chồng mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài. Hiện tại, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị S để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 01/01/2009; Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/4/2013 và Nguyễn Gia T1, sinh 10/11/2016. Hiện các con Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Gia B đang được cha mẹ của anh là ông Nguyễn Trung H2 và bà Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng; còn cháu Nguyễn Gia T1 đang được chị Nguyễn Thị S chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh và chị S thống nhất: Anh sẽ nuôi dưỡng các con Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Gia B, còn chị S sẽ nuôi dưỡng con Nguyễn Gia T1 và các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Do anh đang ở nước ngoài nên tiếp tục nhờ ông Nguyễn Trung H2 và bà Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu T1 trong thời gian anh ở nước ngoài.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Đức H hiện đang cư trú và làm việc tại Hungary không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh ủy quyền cho anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1987, nơi công tác: Công ty L - Đoàn luật sư tỉnh N; trụ sở đóng tại: Số F N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, tài liệu, tạm ứng án phí và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Theo bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 14 tháng 02 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Ban đầu khi mới lấy nhau dù kinh tế khó khăn nhưng vợ chồng chung sống hạnh phúc. Để cải thiện

kinh tế gia đình, đến tháng 8/2019, anh H đi xuất khẩu lao động tại Hungary. Sau đó, do cuộc sống vợ chồng xa nhau nên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đối xử thiếu tôn trọng nhau và tình cảm không thể hàn gắn. Do cuộc sống vợ chồng mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài. Hiện tại chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H làm đơn ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 01/01/2009; Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/4/2013 và Nguyễn Gia T1, sinh 10/11/2016. Hiện các con Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Gia B đang được cha mẹ anh H là ông Nguyễn Trung H2 và bà Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng; còn con Nguyễn Gia T1 đang được chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị và anh H thống nhất: Anh H sẽ nuôi dưỡng các con Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Gia B, còn chị sẽ nuôi dưỡng con Nguyễn Gia T1. Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị S hiện đang cư trú và làm việc tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nhưng do bận công việc nên chị có đơn xin xét vắng mặt.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung H2 và bà Nguyễn Thị N trình bày:

Anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị S kết hôn với nhau vào năm 2008. Sau khi kết hôn, thì vợ chồng về chung sống với ông bà và sinh 03 con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 01/01/2009; Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/4/2013 và Nguyễn Gia T1, sinh 10/11/2016. Đến năm 2019, anh H đi xuất khẩu lao động ở Hungary thì mẹ con chị S tiếp tục ở chung với ông bà. Sau đó anh H và chị S mâu thuẫn, gia đình N2, N3 đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh H và chị S ly hôn và thỏa thuận anh H nuôi 02 con là Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Gia B, còn chị S nuôi 01 con là Nguyễn Gia T1 thì ông bà không có ý kiến gì. Do anh H đang làm việc ở nước ngoài nên tiếp tục nhờ ông bà chăm sóc cháu T và cháu B trong thời gian anh H chưa về Việt Nam thì ông bà đồng ý. Về phía ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức chăm sóc các cháu và đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Đức H đang cư trú và làm việc tại nước Hungary đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị S hiện đang cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án không tiến hành hòa giải được vì anh Nguyễn Đức H không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức H hiện đang cư trú tại nước Hungary không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh H ủy quyền cho anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1987, nơi công tác: Công ty L - Đoàn luật sư tỉnh N; trụ sở đóng tại: Số F N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, tài liệu (có chứng nhận của Đ tại Hungary), và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị S, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung H2 và bà Nguyễn Thị N đã nộp bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, tài liệu cho Tòa án nhưng do bận công việc nên đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tài liệu và chứng cứ mà các bên đã nộp cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An vào ngày 14 tháng 02 năm 2008, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, dù kinh tế khó khăn nhưng vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 8/2019, anh H đi xuất khẩu lao động tại nước Hungary để cải thiện kinh tế gia đình. Do vợ chồng sống xa nhau, mỗi người một nơi nên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến tình cảm không thể hàn gắn. Hiện tại, anh H và chị S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh H nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh được ly hôn với chị S. Xét thấy, hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn Đức H

yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị S có 03 con chung. Nay ly hôn, anh H và chị S thỏa thuận: Anh Nguyễn Đức H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 01/01/2009; Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/4/2013 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị Nguyễn Thị S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Gia T1, sinh 10/11/2016 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Do anh Nguyễn Đức H đang ở nước ngoài nên ông Nguyễn Trung H2 và bà Nguyễn Thị N (cha mẹ của anh H) nhận trách nhiệm tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Gia B cho đến khi anh H về Việt Nam với các cháu.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Anh Nguyễn Đức H, chị Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Trung H2 và bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 104 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị S không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Đức H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị S được ly hôn.
2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị S có 03 con chung;

Giao cho anh Nguyễn Đức H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 01/01/2009; Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/4/2013 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành;

Do anh Nguyễn Đức H đang ở nước ngoài nên ông Nguyễn Trung H2 và bà Nguyễn Thị N (cha mẹ của anh H) nhận trách nhiệm tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Gia B cho đến khi anh H về Việt Nam với các cháu.

Giao cho chị Nguyễn Thị S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Gia T1, sinh 10/11/2016 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Anh Nguyễn Đức H, chị Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Trung H2 và bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp chăm sóc, nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh H đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001478 ngày 22/01/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Nguyễn Đức H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Trung H2 và bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Diễn Thái, Diễn Châu, NA;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quỳnh